

BÁO CÁO

Tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW, ngày 05/12/2011 của Bộ Chính trị (khoá XI) “về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, tăng cường phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và xoá mù chữ cho người lớn”

Thực hiện Công văn số 167-CV/BTGTW, ngày 18/3/2021 của Ban Tuyên giáo Trung ương về xây dựng báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW, ngày 05/12/2011 của Bộ Chính trị về “*Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, tăng cường phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và xoá mù chữ cho người lớn*” (viết tắt là Chỉ thị số 10-CT/TW). Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng báo cáo kết quả triển khai thực hiện như sau:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, PHỔ BIẾN, QUẢN TRIỆT VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Đặc điểm tình hình: Lâm Đồng là tỉnh miền núi Nam Tây Nguyên, diện tích tự nhiên 9.774km²; có 12 đơn vị hành chính cấp huyện (10 huyện, 02 thành phố); 142 đơn vị hành chính cấp xã (111 xã, 18 phường, 13 thị trấn); 1.376 thôn, tổ dân phố; dân số khoảng trên 1,3 triệu người. Quy mô trường, lớp ngày càng phát triển, hiện nay toàn ngành có 704 cơ sở giáo dục, cụ thể: Mầm non: 231; Tiểu học: 244; THCS: 157; THPT: 59; trung tâm GDTX: 01, GDNN-GDTX: 11 và Trường CĐSP Đà Lạt với 21.877 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trên tổng số 337.179 học sinh, sinh viên. Ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh luôn duy trì và phát huy các thành tích đã đạt được. Tập trung nâng cao giáo dục toàn diện cho học sinh, tỷ lệ học sinh lên lớp các năm học luôn đạt và vượt chỉ tiêu đề ra; giáo dục mũi nhọn được giữ vững. Cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học được đầu tư hiện đại, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học, rèn luyện tư duy, thể chất cho giáo viên và học sinh.

2. Tổ chức học tập, quán triệt Chỉ thị số 10-CT/TW: Ngay sau khi Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 10-CT/TW; Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng Chương trình hành động số 33-CTr/TU, ngày 29/3/2012 để chỉ đạo triển khai thực hiện Chỉ thị tại địa phương; Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy ban hành Hướng dẫn số 83-HD/BTGTU, ngày 12/05/2012 về triển khai thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW; các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch tổ chức học tập, quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy phối hợp với ngành Giáo dục và Đào tạo tổ chức học tập, quán triệt Chỉ thị số 10-CT/TW cho đội ngũ cán bộ, giáo viên toàn ngành.

3. Công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết và đôn đốc thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW

Hàng năm, Ban Chỉ đạo đổi mới giáo dục và đào tạo của tỉnh tiến hành kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW; chỉ đạo các ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện các đề án, dự án. Các cơ quan quản lý giáo dục, các cơ sở giáo dục cụ thể hóa chủ trương, bám sát mục tiêu để thực hiện. Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo đánh giá, sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW giai đoạn 2012-2017; trong đó đã nhận định đánh giá kỹ kết quả đạt được, chỉ ra những khó khăn, hạn chế. Để phát huy kết quả đạt được, khắc phục khó khăn, hạn chế Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Công văn số 1774-CV/TU, ngày 17/7/2017 về tiếp tục lãnh, chỉ đạo, tổ chức thực hiện đầy đủ và tích cực hơn nữa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Chỉ thị số 10-CT/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động số 33-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU VÀ 09 NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG CHỈ THỊ SỐ 10-CT/TW

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu

- Giáo dục Mầm non:

- + Củng cố vững chắc kết quả Phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ 5 tuổi 100% (đạt chỉ tiêu).
- + Tỷ lệ trẻ dưới 3 tuổi đến nhà trẻ: 30,67% (đạt chỉ tiêu).
- + Tỷ lệ huy động trẻ 3 đến dưới 6 tuổi vào Mẫu giáo: 87,52% (đạt chỉ tiêu).
- + Trong đó trẻ 5 tuổi ra lớp đạt 100% (đạt chỉ tiêu).
- + Tỷ lệ trẻ học 2 buổi/ngày 100% (đạt chỉ tiêu).
- + Thực hiện việc dạy nói tiếng Việt cho trẻ em 5 tuổi chuẩn bị vào lớp 1.
- + Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân: 1,51% (đạt chỉ tiêu).
- + Thực hiện chương trình giáo dục mầm non mới và thực hiện ứng dụng tin học trong quản lý và giáo dục trẻ 100% (đạt chỉ tiêu).
- + Trường đạt chuẩn quốc gia: 155/321 (67,09%) (đạt chỉ tiêu).

- Giáo dục Tiểu học:

- + Huy động 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1, giữ chuẩn Phổ cập giáo dục Tiểu học đúng độ tuổi mức độ 3 (đạt chỉ tiêu).
- + Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi Tiểu học ra lớp hàng năm đạt 100%; trong đó, học sinh đi học đúng độ tuổi là 100% (đạt chỉ tiêu).
- + Tỷ lệ học sinh học 2 buổi/ngày 100% (đạt chỉ tiêu).
- + Học sinh lớp 5 được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học đạt 99,42% (đạt chỉ tiêu).
- + Trường đạt chuẩn quốc gia: 208/244 (đạt chỉ tiêu).
- + Tỷ lệ học sinh lưu ban, bỏ học ở Tiểu học chiếm 1%.

- Giáo dục THCS:

- + Tỷ lệ huy động học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học vào lớp 6 đạt

100% (đạt chỉ tiêu).

- + Tỷ lệ học sinh học 2 buổi/ngày đạt gần 10% (chưa đạt chỉ tiêu).
- + Trường đạt chuẩn quốc gia: 116/157 trường (đạt chỉ tiêu).
- + Tỷ lệ học sinh lưu ban, bỏ học ở THCS chiếm 0,05%.

2. Kết quả thực hiện 09 nhiệm vụ, giải pháp trong Chỉ thị số 10-CT/TW

2.1. Việc bổ sung và hoàn thiện chính sách và đảm bảo các điều kiện cần thiết hỗ trợ bậc mầm non phát triển bền vững

*** Kết quả đạt được**

- Trong những năm qua, các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, các sở, ban, ngành thường xuyên quan tâm đến sự nghiệp giáo dục và đào tạo, đề ra các chủ trương, chính sách kịp thời, phù hợp với xu thế phát triển.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên của ngành có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực và trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có tinh thần đoàn kết, có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm, số lượng giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn ngày càng nâng cao.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác dạy và học từng bước được đầu tư đồng bộ hiện đại, từng bước đảm bảo cho công tác dạy và học trên địa bàn.

- Hàng năm, Ban Chỉ đạo chống mù chữ - phổ cập giáo dục các địa phương trong tỉnh đều tổ chức hội nghị giáo dục để đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học mới. Với sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị đã góp phần nâng cao nhận thức của các bậc cha mẹ học sinh, nâng cao tỷ lệ huy động học sinh ra lớp và chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ tại các nhà trường.

- Tỷ lệ huy động học sinh ra lớp ngày càng cao, riêng trẻ 5 tuổi đạt 100% ra lớp, đảm bảo tỷ lệ đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trước 5 tuổi. Năm 2015, ngành giáo dục mầm non được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; hàng năm, công tác phổ cập giáo dục mầm non được duy trì, giữ vững và nâng cao chất lượng.

- Việc thực hiện chăm sóc giáo dục trẻ được triển khai thực hiện chương trình giáo dục mầm non mới theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thực hiện nghiêm túc các chuyên đề, đưa bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi vào kế hoạch giáo dục và thực hiện đánh giá trẻ 5 tuổi theo bộ chuẩn; thực hiện cân, đo theo dõi biểu đồ, khám sức khỏe, phòng, chống dịch bệnh cho trẻ đảm bảo theo quy định. Hầu hết trẻ được đảm bảo an toàn, phát triển tốt về thể chất và trí tuệ đảm bảo tâm thế tốt cho trẻ vào lớp 1; 100% trẻ đến trường được học chương trình GDMN theo quy định, được học 2 buổi/ngày, các cháu được chăm sóc, giáo dục một cách toàn diện, được tham gia các hoạt động tại trường theo chế độ sinh hoạt đảm bảo.

- Chế độ chính sách về hỗ trợ tiền ăn trưa, hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh được quan tâm; các chế độ chính sách của cán bộ, giáo viên, nhân viên được đảm bảo theo quy định; 100% trẻ em 5 tuổi được hưởng các chế độ chính sách theo

quy định hiện hành; 100% giáo viên được hưởng chế độ chính sách quy định.

** Hạn chế, yếu kém*

- Công tác tham mưu, chỉ đạo của Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục ở một số địa phương còn hạn chế, nhiều nơi còn “khoán trắng” cho các trường mầm non. Công tác tham mưu, thống kê, tập hợp hồ sơ, tự kiểm tra,... của cán bộ tham mưu về công tác phổ cập mầm non hầu hết đều kiêm nhiệm nên không có nhiều thời gian và nghiệp vụ còn hạn chế.

- Cơ sở vật chất của các trường mầm non còn nhiều khó khăn, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; hầu hết các trường mới chỉ đáp ứng đủ về số phòng học, còn thiếu các phòng học chức năng, sân chơi, khu trải nghiệm cho trẻ chưa đáp ứng với yêu cầu của công tác chuyên môn. Công tác xã hội hóa giáo dục về các nguồn lực để đầu tư kinh phí cho GDMN còn hạn chế, chưa nhiều.

- Định mức giáo viên mầm non chưa đảm bảo theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV, ngày 16/3/2015 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ, phần nào đã ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục trẻ.

- Nhận thức của phụ huynh học sinh và xã hội về vị trí của giáo dục mầm non, đặc biệt là công tác phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi chưa đầy đủ, chưa thật sự quan tâm nhiều đến công tác Phổ cập giáo dục mầm non. Các chính sách ưu tiên để phát triển giáo dục mầm non nói chung và giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi nói riêng nhìn chung chưa được quan tâm đúng mức.

** Nguyên nhân*

- Sự phân công trách nhiệm trong ban chỉ đạo phổ cập một số địa phương có lúc chưa rõ ràng, vai trò của người đứng đầu ban chỉ đạo chưa được phát huy, việc khắc phục tồn tại sau kiểm tra chưa thực hiện triệt để.

- Công tác đầu tư cơ sở vật chất cho các trường ở một số địa phương đáp ứng theo tiêu chí mới về trường mầm non chuẩn quốc gia, tỷ lệ trường công nhận mới và công nhận lại đạt chuẩn quốc gia còn thấp so với mặt bằng chung của tỉnh. Công tác xã hội hóa giáo dục đạt hiệu quả chưa cao.

- Đội ngũ giáo viên tại các trường còn thiếu so với quy định, một số giáo viên mới được tuyển dụng, kinh nghiệm giảng dạy còn hạn chế chưa đáp ứng yêu cầu về chất lượng giáo dục ở các trường. Một số cha mẹ học sinh nhận thức còn hạn chế, chưa thực sự quan tâm đến công tác giáo dục, tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào chế độ, chính sách. Sự phối kết hợp giáo dục giữa gia đình, nhà trường còn hạn chế.

2.2. *Củng cố vững chắc và phát triển kết quả phổ cập giáo dục (PCGD), hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở (PCGDTHCS) và phổ cập giáo dục tiểu học (PCGDTH) đúng độ tuổi, từng bước tiến hành phổ cập giáo dục trung học ở những nơi có điều kiện*

** Kết quả đạt được*

- Kết quả hàng năm: Có 99,9% trẻ 6 tuổi vào lớp 1; 100% học sinh độ tuổi 11 hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học; 100% học sinh hoàn thành chương

trình giáo dục tiểu học vào học lớp 6; trên 99,5% học sinh tốt nghiệp THCS; trên 99% thanh thiếu niên 15-18 tuổi đã, đang học chương trình GDPT hoặc GDTX cấp THPT hoặc GDNN; 98% số thanh thiếu niên (18-21 tuổi) tốt nghiệp THPT; trẻ khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục đạt 99,6%.

- Những năm qua, công tác phổ cập giáo dục tiểu học - xóa mù chữ, phổ cập giáo dục THCS luôn được củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập. Năm 2008, tỉnh Lâm Đồng được Trung ương kiểm tra và công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 3, chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở và đạt chuẩn xóa mù chữ vào năm 2019.

- Qua kết quả kiểm tra công nhận hằng năm, khẳng định công tác phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ luôn được duy trì, ổn định và ngày càng nâng cao chất lượng.

* *Hạn chế, yếu kém:* Quy mô mạng lưới và cơ sở vật chất tuy đã được đầu tư nhiều nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của nhân dân gửi con em đến các trường công lập; sĩ số trung bình học sinh/lớp ở nhiều trường công lập vượt quá quy định. Chưa khai thác tốt phần mềm Chương trình quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. Một số cha mẹ học sinh chưa thực sự quan tâm đến việc học tập của con em. Nhân sự trong ban chỉ đạo ở một số địa phương hằng năm thường có sự thay đổi, kinh nghiệm chỉ đạo công tác phổ cập đối với các đồng chí mới nhận nhiệm vụ còn một số hạn chế.

* *Nguyên nhân:* Việc huy động các đối tượng trong độ tuổi PCGD (15 đến 21 tuổi) bỏ học trở lại lớp rất khó khăn do các đối tượng này thường bỏ học để tham gia lao động phổ thông. Một số địa phương trường học có diện tích đất hẹp so với số lượng học sinh nên phần nào ảnh hưởng đến công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

2.3. Việc đẩy mạnh công tác xóa mù chữ (XMC) cho những người trong độ tuổi lao động, giảm tỷ lệ người tái mù chữ ở người lớn

*** Kết quả đạt được**

- Thực trạng xóa mù chữ cho những người trong độ tuổi lao động trong thời gian qua đã đạt nhiều kết quả, tỷ lệ người trong độ tuổi lao động qua các lớp đào tạo nghề ngắn hạn ngày càng cao; quan tâm, đẩy mạnh công tác XMC cho người lớn trong độ tuổi lao động.

- Hiện nay, toàn tỉnh có 142/142 trung tâm học tập cộng đồng tại tất cả các xã, phường, thị trấn; xây dựng được 23 mô hình tại 12 huyện, thành phố nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của mọi tầng lớp nhân dân theo Đề án “*Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2016 - 2020*”.

* *Hạn chế, yếu kém:* Hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng chưa thật sự hiệu quả. Một số địa phương chưa quan tâm đầu tư xây dựng về cơ sở vật chất, nguồn nhân lực để phát huy hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng.

* *Nguyên nhân:* Nguồn kinh phí đầu tư về cơ sở vật chất cho các Trung tâm học tập cộng đồng còn khó khăn. Mặt khác, do nhận thức của người dân về việc tham gia học tập tại các Trung tâm học tập cộng đồng vẫn còn nhiều hạn chế.

2.4. Triển khai các giải pháp nhằm thực hiện tốt việc phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở. Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học nghề

*** Kết quả đạt được**

- Lâm Đồng xác định tầm quan trọng của công tác phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở là giải pháp căn bản để giúp mỗi gia đình, học sinh tự nhận biết khả năng của mình, chọn đúng “nghề”, hướng đi phù hợp với năng lực, sở trường và nhu cầu lao động xã hội để khắc phục tình trạng “thừa thầy, thiếu thợ”. Chính vì vậy, các cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành và các địa phương trong tỉnh đã tích cực chủ động, phối hợp triển khai nhiều giải pháp đồng bộ, hiệu quả và đã mang lại những kết quả quan trọng trong công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh.

- Các nhà trường đã tăng cường và đổi mới công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của giáo viên, cha mẹ học sinh về ý nghĩa, tầm quan trọng của giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông. Đưa nội dung, nhiệm vụ giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông vào chủ trương, kế hoạch của từng đơn vị; thực hiện đúng, đủ chương trình giáo dục hướng nghiệp cho học sinh lớp 9. Tổ chức ngày hội tư vấn, hướng nghiệp gắn với thị trường lao động, việc làm ở địa phương; tổ chức các hoạt động giao lưu giữa học sinh với các nhà khoa học, nhà quản lý, doanh nhân.

- Phát triển đội ngũ giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn, hướng nghiệp trong trường học. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên giảng dạy các nội dung về hướng nghiệp cho học sinh. Thành lập tổ tư vấn tâm lý hướng nghiệp do các giáo viên bộ môn kiêm nhiệm, tổ chức thường xuyên các buổi tọa đàm để tư vấn, hướng nghiệp cho học sinh.

- Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học gắn với giáo dục hướng nghiệp trong giáo dục phổ thông. Tham gia đóng góp, có ý kiến đối với việc hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông. Tăng cường sự phối hợp của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong xây dựng chương trình, tài liệu và đánh giá kết quả giáo dục hướng nghiệp đáp ứng yêu cầu thị trường lao động.

- Kết quả phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp THCS trong những năm qua đạt 6,1% - 10% học sinh THCS tham gia các lớp đào tạo nghề, trung cấp.

*** Hạn chế, yếu kém:** Tỷ lệ học sinh vào học ở các trường trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề thấp. Sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trong việc đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ công tác giáo dục hướng nghiệp cho học sinh phổ thông chưa cao.

*** Nguyên nhân:** Sự liên hệ của một số trường, của ngành giáo dục với các tổ chức, cá nhân bên ngoài chưa thật sự hiệu quả. Nhận thức của cha mẹ học sinh còn coi trọng về bằng cấp.

2.5. Tập trung nguồn lực phát triển giáo dục, nâng cao chất lượng và hiệu quả phổ cập giáo dục ở những vùng đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa

* *Kết quả đạt được:* Sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Trung ương và của địa phương để củng cố và phát triển kết quả PCGDTH và PCGDTHCS (Đạt chuẩn PCGDTH mức độ 3, Đạt chuẩn PCGDTHCS mức độ 2); 100% trẻ mẫu giáo được học tăng cường tiếng Việt; 100% học sinh 6 tuổi được dạy tăng cường tiếng Việt trước khi vào lớp 1.

* *Hạn chế, yếu kém:* Một số học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số sau khi vào học lớp 1 vẫn còn hạn chế về kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Việt.

* *Nguyên nhân:* Một số cha mẹ cho trẻ học quá sớm các ngôn ngữ khác nên ảnh hưởng việc nói và giao tiếp bằng tiếng Việt.

2.6. Tiếp tục nâng cao năng lực và chất lượng đào tạo của các trường sư phạm, bảo đảm chuẩn hóa về trình độ đội ngũ giáo viên.

- *Kết quả đạt được:* Chỉ đạo ngành giáo dục và đào tạo quan tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên nhằm đáp ứng yêu cầu về chất lượng giáo dục; các cấp ủy đảng, chính quyền luôn quan tâm đến công tác phát triển đội ngũ giáo viên. Chỉ đạo các nhà trường động viên, tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên tham gia các lớp đào tạo để nâng cao trình độ.

- *Hạn chế, yếu kém:* Tỷ lệ giáo viên chưa đạt chuẩn đào tạo theo quy định Luật Giáo dục 2019 ở các cấp học còn cao, cụ thể: Cấp Mầm non gần 20% giáo viên chưa đạt chuẩn; cấp Tiểu học trên 25% giáo viên chưa đạt chuẩn; cấp THCS trên 6%.

- *Nguyên nhân:* Do sửa đổi Luật Giáo dục 2019, yêu cầu về trình độ của giáo viên các cấp học cao hơn. Chưa có chính sách cụ thể hỗ trợ giáo viên tham gia đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn.

2.7. Hoàn thiện chế độ, chính sách đãi ngộ đối với giáo viên nhằm nâng cao chất lượng giáo dục

* *Kết quả đạt được*

- Lâm Đồng đã ban hành các quy định về việc học tập của cán bộ, giáo viên trong toàn ngành. Hàng năm, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục gắn với nhu cầu đào tạo nhân lực của ngành và đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông. Quan tâm phát triển đội ngũ tổ trưởng chuyên môn, giáo viên cốt cán các bộ môn, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi; nâng cao vai trò của giáo viên chủ nhiệm lớp, của tổ chức đoàn, hội, đội, gia đình và cộng đồng trong việc quản lý, phối hợp giáo dục toàn diện cho học sinh.

- Nâng cao phẩm chất đạo đức và chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục. Chú trọng đến việc phát triển kỹ năng nghề nghiệp cho đội ngũ giáo viên và nâng cao kỹ năng quản trị nhà trường cho cán bộ quản lý; kỹ năng nghề nghiệp cho giáo viên, chú trọng kỹ năng lập kế hoạch, xây dựng kế hoạch dạy học. Ngoài ra còn một số kỹ năng như: Kỹ năng dạy học tích cực để phát triển năng lực phẩm chất cho học sinh; kỹ năng kiểm tra đánh giá; kỹ năng tin học, kỹ năng tìm

kiểm thông tin, xây dựng kho học liệu.

- Xem xét hỗ trợ một phần kinh phí học tập đối với giáo viên mầm non, tiểu học, THCS có trình độ trung cấp, cao đẳng tham gia các khóa đào tạo để đạt trình độ đại học vào năm 2025. Đổi mới cơ chế tuyển dụng giáo viên; đổi mới cơ chế đánh giá cán bộ, giáo viên.

* *Hạn chế, yếu kém:* Chưa có chính sách thu hút giáo viên tốt nghiệp loại giỏi ở các trường sư phạm về tỉnh công tác. Một số giáo viên chưa yên tâm ổn định công tác lâu dài tại các địa bàn khó khăn, dẫn đến đội ngũ giáo viên thường xuyên biến động, ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục tại địa phương.

* *Nguyên nhân:* Các chính sách đãi ngộ chưa đáp ứng được nhu cầu cuộc sống của giáo viên ở vùng khó khăn. Chưa làm tốt công tác động viên, khuyến khích giáo viên giỏi xung phong về các vùng khó khăn hoặc dạy trong các cơ sở dạy nghề và các trung tâm giáo dục thường xuyên.

2.8. Huy động nguồn lực trong xã hội để phát triển mạng lưới trường lớp, nâng cấp cơ sở vật chất, phục vụ công tác phổ cập giáo dục. Thực hiện chương trình đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo nghề

* *Kết quả đạt được.*

- Tỉnh luôn quan tâm đẩy mạnh thu hút các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước để đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập đồng bộ với lộ trình đổi mới giáo dục phổ thông.

- Đổi mới cơ chế phân bổ nguồn vốn theo hướng tập trung có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải; ưu tiên phân bổ nguồn vốn cho các đơn vị trường xây dựng trường chuẩn quốc gia, các trường thuộc vùng khó khăn.

- Công tác xã hội hóa huy động sự tham gia của toàn xã hội để tăng nguồn vốn đầu tư cơ sở vật chất và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực đầu tư phát triển giáo dục - đào tạo.

- Tỷ trọng ngân sách nhà nước chi cho hệ thống giáo dục mầm non đều tăng hàng năm trong đó chiếm từ 11% đến 19,05% trên tổng chi cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo toàn tỉnh. Trong đó: Kinh phí đầu tư cơ sở vật chất để xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia, đầu tư mua sắm trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phục vụ hoạt động giáo dục, trong giai đoạn từ năm 2011 - 2020, số tiền 88.644 triệu đồng.

- Toàn tỉnh, có 173 trường mầm non công lập, trong đó 100% các trường đã thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP, đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ để làm cơ sở thực hiện.

* *Hạn chế, yếu kém:* Nguồn kinh phí huy động từ xã hội hóa giáo dục còn thấp. Các đơn vị trường học chưa chủ động trong tổ chức tuyên truyền, huy động xã hội hóa giáo dục.

* *Nguyên nhân:* Các văn bản pháp lý về xã hội hóa giáo dục còn chồng chéo. Điều kiện kinh tế của người dân ở một số nơi trên địa bàn tỉnh còn gặp khó

khẩn nên khó huy động được nguồn vốn từ xã hội hóa.

2.9. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, hiệu lực quản lý nhà nước đối với công tác PCGD

** Kết quả đạt được.*

- Hàng năm, tỉnh ban hành Quyết định kiện toàn Ban chỉ đạo PCGD-XMC, Kế hoạch thực hiện PCGD-XMC; thành lập Ban kiểm tra công tác PCGD-XMC; thành lập các đoàn kiểm tra để công nhận mức độ đạt PCGD- XMC.

- Chỉ đạo các địa phương, đơn vị triển khai đến các tổ chức cơ sở đảng thực hiện tốt các văn bản chỉ đạo của cấp trên như: Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Thông tư 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện bảo đảm nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn PCGD-XMC. Hướng dẫn các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục. Đẩy mạnh tuyên truyền về công tác PCGD-XMC đến toàn thể nhân dân để duy trì và nâng cao kết quả PCGD-XMC.

- Chỉ đạo Ngành Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị trong công tác tham mưu tuyển dụng giáo viên, đầu tư cơ sở vật chất trường lớp, trang thiết bị dạy học nhằm đảm bảo các điều kiện phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập tiểu học đúng độ tuổi theo đúng quy định và nâng cao chất lượng PCGD các cấp. Tổ chức các hội nghị bồi dưỡng tập huấn về công tác phổ cập cho 100% cán bộ quản lý và giáo viên trực tiếp tham gia công tác PCGD-XMC của 142 xã, phường, thị trấn trong tỉnh. Phối hợp với Trung tâm GDNN-GDTX để tiếp nhận thanh niên trong độ tuổi cần phổ cập ra học tại các lớp học bổ túc văn hoá.

- Chỉ đạo các địa phương tổ chức tiến hành điều tra nắm vững đối tượng trong diện PCGD-XMC; thành lập các tổ công tác điều tra, cập nhật số liệu phổ cập trên địa bàn dân cư; gắn kết công tác tuyên truyền PCGD-XMC với nhiệm vụ xây dựng xã hội học tập, gia đình hiếu học, dòng họ khuyến học; đề ra các biện pháp để trung tâm học tập cộng đồng và hội khuyến học các địa phương tham gia vận động thanh thiếu niên trong độ tuổi ra lớp phổ cập.

** Hạn chế, yếu kém:* Một số địa phương, đơn vị xây dựng kế hoạch phổ cập, XMC còn chung chung, chưa cụ thể, chưa sát điều kiện thực tế. Cá biệt còn có thành viên ban chỉ đạo PCGD, XMC ở một số địa phương nhận thức chưa đầy đủ về tầm quan trọng và vai trò của công tác PCGD, XMC đối với phát triển kinh tế - xã hội; chỉ quan tâm mục tiêu trước mắt là phấn đấu đạt chuẩn, chưa xây dựng kế hoạch củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập. Tình trạng học sinh bỏ học, đi học không thường xuyên vẫn còn xảy ra. Hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng, sự phối hợp với các cơ sở giáo dục để phổ biến kiến thức cho người dân chưa thường xuyên.

** Nguyên nhân:* Các điều kiện đảm bảo thực hiện PCGD, XMC tuy đã được quan tâm đầu tư nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu. Một số trường học, môi trường vui chơi, học tập cho các em vẫn còn hạn chế. Đội ngũ giáo viên làm công tác phổ cập giáo dục đa phần kiêm nhiệm nên phần nào ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu

quả công tác PCGD, XMC.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Sau 10 năm, triển khai thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW, tỉnh Lâm Đồng đã đạt được nhiều kết quả quan trọng: Công tác phổ cập giáo dục mầm non, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập trung học cơ sở được duy trì và giữ vững; 142/142 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. Mạng lưới trường, lớp được phủ đều các phường, xã, thị trấn đảm bảo 100% học sinh trong độ tuổi có đủ trường, lớp học. Đề án quy hoạch mạng lưới các trường học bậc phổ thông và mầm non được triển khai thực hiện có hiệu quả.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cơ bản đủ về số lượng, đạt chuẩn về trình độ đào tạo, đảm bảo thực hiện công tác quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục trong các nhà trường. Công tác bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên được quan tâm triển khai kịp thời, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới; chất lượng giáo dục ngày càng được nâng cao, tỷ lệ học sinh bỏ học giảm đáng kể so với năm 2011.

Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục - xóa mù chữ triển khai thực hiện nghiêm túc văn bản của Trung ương và của tỉnh về công tác phổ cập giáo dục - xóa mù chữ. Công tác phổ cập giáo dục - xóa mù chữ được đưa vào nghị quyết, chương trình hành động, kế hoạch hàng năm của các địa phương, đơn vị.

2. Hạn chế, khuyết điểm

- Quy mô mạng lưới và cơ sở vật chất trường học tuy đã được quan tâm đầu tư nhưng vẫn chưa đáp ứng được sự gia tăng dân số cơ học, sĩ số trung bình học sinh/lớp ở nhiều trường vượt quá quy định.

- Chất lượng giáo dục còn có sự chênh lệch giữa các trường trong tỉnh; số lượng các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập lớn nên khó khăn trong công tác quản lý và phần nào ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục tại các nhà trường.

- Công tác tư vấn, hướng nghiệp, phân luồng còn hạn chế, học sinh sau tốt nghiệp THCS ngoài số lượng tham gia tiếp tục học THPT thì tỷ lệ học sinh tham gia học nghề còn thấp.

3. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

- Quỹ đất trường học hiện còn trong Đề án quy hoạch mạng lưới trường học trong giai đoạn tới không đáp ứng được với sự tăng dân số cơ học. Mặt khác, nhiều trang thiết bị dạy học được đầu tư đã xuống cấp nhưng chưa được bổ sung hoặc không còn thích ứng với yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018; một số trường trên địa bàn không đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2 nên ảnh hưởng đến công nhận lại trường chuẩn quốc gia sau 5 năm.

- Cơ sở vật chất Trung tâm GDNN-GDTX hiện đã xuống cấp, không tương xứng với vị trí cũng như chức năng, nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

- Việc bổ sung giáo viên còn bị thụ động chưa đáp ứng kịp với tăng quy mô trường, lớp. Giáo viên có trình độ chuyên môn và năng lực giảng dạy đáp ứng nhu cầu học tập theo mô hình trường chất lượng cao trong tỉnh còn yếu và thiếu.

- Một số địa phương chưa thật sự quan tâm đến công tác đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, xem đổi mới giáo dục là nhiệm vụ chuyên môn của ngành giáo dục và đào tạo. Sự phối hợp với các ban, ngành liên quan trong việc tham mưu đầu tư quỹ đất cho các cơ sở giáo dục chưa thật sự chặt chẽ, kịp thời. Hoạt động của một số trung tâm học tập cộng đồng hiệu quả chưa cao.

IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

- Sự quan tâm chỉ đạo, thường xuyên của cấp ủy, chính quyền đối với sự nghiệp giáo dục là yếu tố quyết định đến chất lượng phổ cập giáo dục - xóa mù chữ và phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS một cách bền vững.

- Sự vào cuộc của các cấp, các ngành, đặc biệt là sự phối hợp chặt chẽ của ngành Giáo dục và Đào tạo với ngành Lao động - Thương binh và xã hội, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, chính quyền địa phương trong việc tuyên truyền, vận động, phân luồng, hướng nghiệp, giới thiệu việc làm cho học sinh và gia đình có con học lớp 9, là cơ sở để thực hiện thành công Chỉ thị số 10-CT/TW.

- Chất lượng và sự nhiệt tình của đội ngũ giáo viên là yếu tố quan trọng; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học là yếu tố cần thiết quyết định đến chất lượng giáo dục và tính bền vững của phổ cập giáo dục.

- Tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục nhằm chia sẻ sự đầu tư cho giáo dục - đào tạo của toàn xã hội; nâng cao vai trò và phát triển các trung tâm học tập cộng đồng trong phổ biến kiến thức ngoài nhà trường.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐẾN NĂM 2030

I. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU

1. Phương hướng

- Đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý giáo dục - đào tạo, theo hướng hiện đại hóa, nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý. Chuẩn bị đầy đủ đội ngũ giáo viên, nhân viên và cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Xây dựng và phát triển bền vững hệ thống giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên đồng bộ về quy mô, số lượng và chất lượng, tiếp cận nền giáo dục tiên tiến trong khu vực và quốc tế, góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài và tạo cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người, tạo tiền đề cho phát triển kinh tế tri thức, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0).

- Hướng nghiệp, dạy nghề cơ bản phải đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động cả về số lượng, chất lượng, cơ cấu nghề và trình độ đào tạo, gắn với mục tiêu cung cấp nhân lực phù hợp với các giải pháp kinh tế - xã hội. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề, hình thành đội ngũ lao động lành nghề, phổ cập nghề cho người lao động, góp phần thực hiện chuyển dịch cơ cấu lao động, nâng cao thu nhập, đảm bảo an sinh xã hội.

2. Mục tiêu

* Giáo dục Mầm non:

- Huy động trẻ ra lớp đạt trên 50% đối với nhà trẻ, 100% trẻ độ tuổi mẫu giáo; duy trì chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; 100% nhóm, lớp mầm non được học bán trú 2 buổi/ngày; giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng dưới 2%; ít nhất 90% trẻ đạt chuẩn phát triển; 70% trở lên trường mầm non công lập đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2.

- Đủ giáo viên mầm non đứng lớp theo quy định; 70% giáo viên trong các trường mầm non có trình độ đào tạo chuyên môn giáo dục mầm non từ Đại học trở lên; 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị: 100% trường mầm non có đủ đồ dùng dạy học theo quy định; 100% các trường, nhóm lớp có cơ sở vật chất phòng học kiên cố, trang thiết bị hiện đại phù hợp với quy mô trường, nhóm lớp; có công trình vệ sinh và nước sạch đạt chuẩn; 70% trường mầm non công lập đạt chuẩn quốc gia. Mỗi xã, phường có ít nhất 01 trường mầm non công lập.

* Giáo dục tiểu học:

- 100% trẻ đi học đúng độ tuổi tiểu học (6-10 tuổi); 100% học sinh học 2 buổi/ngày; 60% trường công lập đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2.

- Huy động trên 95% trẻ khuyết tật đi học các trường chuyên biệt.

- Đủ giáo viên trong các cơ sở giáo dục; 100% giáo viên được bồi dưỡng theo quy định Chương trình giáo dục phổ thông 2018; 90% giáo viên có trình độ đào tạo chuyên môn giáo dục tiểu học từ đại học trở lên, trong đó 5% có trình độ thạc sĩ.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị trong các trường học được đầu tư theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, dạy học; 60% trường tiểu học công lập đạt chuẩn quốc gia; 02 trường hoạt động theo mô hình trường học thông minh. Mỗi xã, phường có ít nhất 01 trường tiểu học công lập.

* Giáo dục trung học cơ sở:

- Tỷ lệ thiếu niên đi học đúng độ tuổi (11 - 14 tuổi) đạt 100%; 20% học sinh được học 2 buổi/ngày; 85% trường THCS công lập đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2.

- Đủ giáo viên tham gia giảng dạy trong các cơ sở giáo dục; 100% giáo viên được bồi dưỡng Chương trình giáo dục phổ thông 2018; 95% giáo viên có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên trong đó có 10% có trình độ thạc sĩ trở lên.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị trong các trường được đầu tư theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, dạy học; 85% trường trung học cơ sở công lập đạt chuẩn quốc gia; 03 trường hoạt động theo mô hình trường học thông minh. Mỗi xã, phường có ít nhất 01 trường trung học cơ sở công lập.

- Phân đầu 100% trường THCS có Chương trình giáo dục hướng nghiệp gắn với sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của địa phương; có giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ.

** Giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (GDNN-GDTX)*

- Có trên 95% số người mù chữ trong độ tuổi 15 - 35 ra học lớp xóa mù chữ; Phân đầu 100% người trong độ tuổi 15 - 60 biết chữ; trên 95% số người biết chữ tiếp tục học tập và không tái mù chữ.

- Thu hút 50% học sinh tốt nghiệp THCS chưa vào THPT vào học chương trình giáo dục thường xuyên. Phân đầu trên 20% học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học tập tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp hoặc cơ sở GDNN-GDTX vừa đào tạo chương trình trung cấp nghề vừa học văn hoá chương trình GDTX cấp THPT; 25% học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông của trung tâm GDNN-GDTX tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội về nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo. Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI *“về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”*.

2. Rà soát, kiện toàn và phát huy hiệu quả của Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục- xóa mù chữ (PCGD-XMC) từ tỉnh đến cơ sở. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát công tác PCGD - XMC tại các địa phương, đơn vị. Cùng cố và nâng cao kết quả công tác PCGD - XMC, nhất là PCGD mầm non cho trẻ 5 tuổi, giữ vững và phát huy tỷ lệ trẻ 3 - 5 tuổi học các lớp mẫu giáo; điều tra, rà soát, thống kê các đối tượng trong độ tuổi 15 - 35 tuổi và từ 36 tuổi trở lên còn mù chữ hoặc tái mù chữ để xây dựng kế hoạch vận động ra lớp xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ. Đưa các chỉ tiêu về PCGD - XMC và phân luồng học sinh sau THCS vào kế hoạch hàng năm của cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể, xem đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, là chỉ tiêu đánh giá và phân loại đối với các tập thể và cá nhân.

3. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo đủ về số lượng, cơ cấu môn dạy, chất lượng giáo viên theo yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Quản lý chặt chẽ công tác quy hoạch, dự báo để chủ động trong công tác tuyển dụng, tiếp nhận, sắp xếp đội ngũ giáo viên, nhân viên các trường đảm bảo nguyên tắc chủ động về đội ngũ, cân đối, cân bằng về chất lượng giáo viên giữa các trường. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách đối với giáo viên.

4. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đảm bảo thực hiện đầy đủ, hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Rà soát, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, đáp ứng nhu cầu dạy và học cho các cơ sở giáo dục. Ưu tiên đầu tư cho các trường nằm trong kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, trong đó chú trọng đầu tư cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non. Mở rộng quy mô, đa dạng hóa các loại hình trường lớp, mô hình học tập để đáp ứng nhu cầu và nguyện vọng học tập của nhân dân, góp phần xây dựng xã hội học tập.

5. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, huy động các lực lượng xã hội tham gia hoạt động giáo dục góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Tổ chức tốt công tác phối hợp ba môi trường giáo dục nhà trường, gia đình, xã hội trong việc quản lý, giáo dục và hỗ trợ tâm lý cho học sinh, hạn chế tối đa tình trạng học sinh bỏ học, giúp đỡ học sinh cá biệt, không để xảy ra các tệ nạn xã hội, vi phạm pháp luật trong và ngoài nhà trường.

6. Tăng cường phối hợp của các đoàn thể, hội khuyến học các cấp, các trung tâm học tập cộng đồng, ban đại diện cha mẹ học sinh, các ban, ngành để huy động sự tham gia của mọi lực lượng giáo dục góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Khuyến khích hình thành các quỹ học bổng, khuyến học, khuyến tài, giúp học sinh nghèo học giỏi, hoàn cảnh khó khăn. Tôn vinh, khen thưởng các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong đóng góp cho sự phát triển giáo dục và đào tạo.

7. Tổ chức có hiệu quả hoạt động của trung tâm GDNH-GDTH, xây dựng kế hoạch tổ chức đào tạo nguồn nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh và dịch vụ ở trình độ sơ cấp, đào tạo nghề nghiệp dưới 03 tháng; đào tạo theo hình thức kèm cặp nghề, truyền nghề, tập nghề; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề cho người lao động trong doanh nghiệp; đào tạo, bồi dưỡng hoàn thiện kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động.

8. Tư vấn nghề nghiệp, tư vấn việc làm cho người học; phối hợp với các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông tuyên truyền, hướng nghiệp, phân luồng học sinh. Phối hợp với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, gia đình người học trong hoạt động đào tạo nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên và hướng nghiệp; tổ chức cho người học tham quan, thực hành, thực tập tại doanh nghiệp.

III. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

Bộ Giáo dục và Đào tạo thường xuyên tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, giáo viên làm công tác phổ cập giáo dục, giáo dục thường xuyên, xóa mù chữ, xây dựng xã hội học tập, giáo dục kỹ năng sống.

Nơi nhận:

- Ban Tuyên giáo Trung ương (báo cáo),
- Văn phòng Trung ương Đảng (báo cáo),
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các sở, ban, ngành, MTTQ, đoàn thể tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Lưu VPTU, XH.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

Trần Đình Văn